TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:65/2023/HS- ST
Ngày 22-9-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Oanh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Lâm Giang
Ông Trần Anh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Lan Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa: Ông Vi Văn Cảnh - Kiểm sát viên .

Ngày 22 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 65/2023/TLST- HS ngày 05 tháng 9 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 210/2023/QĐXXST- HS ngày 08 tháng 9 năm 2023 đối với bị cáo:

* Họ và tên: Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1994

Tên gọi khác: không; nơi ĐKHK và chỗ ở: tổ dân phố T, thị trấn Nh, huyện T, tỉnh B; nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hoá: 01/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn D và bà: Nguyễn Thị Nh (đã chết); vợ, con: chưa có; tiền án: không; tiền sự: Ngày 17/01/2023 bị Công an thị trấn Nh, huyện T xử phạt vi phạm hành chính (phạt tiền 2.500.000 đồng) về hành vi "Trộm cắp tài sản", chưa chấp hành nộp phạt. Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

** Bị hại:*
- Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1951 (vắng mặt)
Nơi cư trú: tổ dân phố Ch, thị trấn Nh, huyện T, tỉnh B.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
- Bà An Thị B, sinh năm 1959 (vắng mặt)
Nơi cư trú: thôn T, xã A, huyện Y, tỉnh B.
- Ông Nguyễn Trọng T, sinh năm 1958 (vắng mặt)
- Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1964 (có mặt)
Đều cư trú: tổ dân phố T, thị trấn Nh, huyện T, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 28/6/2023, Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1994, trú tại tổ dân phố T, thị trấn Nh, huyện T đến đám ma của gia đình ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1957 ở tổ dân phố Ch, thị trấn Nh, huyện T để phục vụ giúp gia đình ông Đ. Khoảng 18 giờ cùng ngày, sau khi ăn cơm xong, Đ ra về. Trên đường ra đến cổng nhà ông Đ, Đ nhìn thấy 01 chiếc xe đạp nhãn hiệu Xuân Hòa, màu xám, giỏ màu đen (xe cũ đã qua sử dụng) của bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1951, trú tại tổ dân phố Ch, thị trấn Nh, huyện T đang dựng ở cổng, Đ nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe đạp của bà Ph. Đ đi đến vị trí chiếc xe đạp của bà Ph rồi ngồi lên xe đạp xe đi đến nhà ông Nguyễn Trọng T, sinh năm 1958, trú tại tổ dân phố T, thị trấn Nh, huyện T rủ ông T đi uống bia thì ông T đồng ý. Ông T hỏi Đ "xe đạp mày đi là của ai?", Đ nói "xe của em", sau đó Đ bảo ông T đi xe đạp của ông T theo Đ đến cửa hàng mua bán sắt vụn của bà An Thị B, sinh năm 1959, trú tại thôn T, xã A, huyện Y. Khi Đ và ông T đến nhà bà B, Đ gặp bà Biên ở nhà, Đ bảo bà B Đ muốn bán chiếc xe đạp, bà B đồng ý mua với giá 105.000 đồng. Sau khi bán xe xong, ông T đi xe đạp của ông T chở Đ đi uống bia hết 40.000 đồng, lúc này Đ nói cho ông T biết chiếc xe đạp Đ vừa bán là xe do Đ vừa trộm ở đám ma, ông T bảo Đ phải đem xe trả cho chủ sở hữu. Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 29/6/2023, Đ đến cửa hàng thu mua sắt vụn của bà B trả lại cho bà Biên số tiền 105.000 đồng và chuộc lại xe từ bà B.

Đối với bà Ph, sau khi phát hiện bị mất xe đạp, ngày 29/6/2023 bà P đến Công an thị trấn Nh, huyện T trình báo.

Bằng biện pháp nghiệp vụ Công an thị trấn Nh đã rà soát triệu tập Nguyễn Văn Đ đến làm việc, quá trình làm việc Đ đã thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp chiếc xe đạp của bà Ph như đã nêu ở trên.

Qua xác minh lý lịch xác định ngày 17/01/2023 Đạo bị Công an thị trấn Nh, huyện T xử phạt vi phạm hành chính phạt tiền về hành vi trộm cắp tài sản nên ngày 29/6/2023 Công an thị trấn Nh đã chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T để điều tra theo thẩm quyền.

Cùng ngày 29/6/2023, Nguyễn Văn Đ đã giao nộp 01 chiếc xe đạp nhãn hiệu Xuân Hòa, màu xám, giỏ màu đen, xe cũ đã qua sử dụng cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T.

Ngày 30/6/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tân Yên định giá chiếc xe đạp mà Đ đã trộm cắp của bà Phúc.

Tại Kết luận định giá tài sản số 24/KL-ĐGTS ngày 07/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: (01) chiếc xe đạp nhãn hiệu Xuân Hòa, màu xám, có lồng xe màu đen (đã qua sử dụng) có giá 120.000 đồng (Một trăm hai mươi nghìn đồng chẵn).

Tại bản cáo trạng số 62/CT-VKS ngày 04/9/2023 của Viện kiểm sát huyện T, tỉnh B đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T giữ nguyên bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt Nguyễn Văn Đ từ 06 tháng đến 08 tháng tù về tội " Trộm cắp tài sản" nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 16 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Đ cho UBND thị trấn Nh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về hình phạt bổ sung: không phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Đ.

Về trách nhiệm dân sự: Đến nay bà Nguyễn Thị Ph và bà An Thị B không yêu cầu gì về việc bồi thường thiệt hại đối với bị cáo Đ. Ông Nguyễn Văn D là bố đẻ của bị cáo không yêu cầu bị cáo Đ phải trả cho ông số tiền 45.000 đồng nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí: bị cáo Nguyễn Văn Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã nêu. Tại phần tranh luận, bị cáo không tranh luận gì, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn D trình bày: ông là bố đẻ của bị cáo Đ, số tiền bị cáo bồi thường cho bà Nguyễn Thị Ph 105.000 đồng trong đó ông cho bị cáo 45.000 đồng để trả lại cho bà B, đến nay ông không yêu cầu bị cáo phải trả ông số tiền trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T; Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, bị hại và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay bị hại bà Ph và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà B, ông T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, tuy nhiên họ đã có lời khai trong quá trình điều tra. Sự vắng mặt này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Về tội danh và hình phạt: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà hôm nay là phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm và diễn biến của quá trình bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 18 giờ ngày 28/6/2023, tại cổng gia đình ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1957 ở tổ dân phố Ch, thị trấn Nh, huyện T, Nguyễn Văn Đ (là người đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Trộm cắp tài sản" chưa được xóa tiền sự) đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe đạp nhãn hiệu Xuân Hòa, màu xám, có lồng

xe màu đen trị giá 120.000 đồng (Một trăm hai mươi nghìn đồng) của bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1951, trú tại tổ dân phố Ch, thị trấn Nh, huyện T, tỉnh B.

Khi thực hiện hành vi chiếm đoạt chiếc xe đạp của bà Nguyễn Thi Ph, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Bị cáo chiếm đoạt chiếc xe của bà Ph trị giá 120.000 đồng chưa đủ 2.000.000 đồng nhưng do bị cáo đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản ngày 17/01/2023 nên hành vi của bị cáo đã có đầy đủ các yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", tội danh và hình phạt áp dụng đối với bị cáo được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó, bản cáo trạng truy tố bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: bị cáo Đ không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo Đ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Sau khi thực hiện phạm tội, bị cáo Đ đã tự nguyện chuộc lại chiếc xe đạp nộp cho cơ quan điều tra, bị hại bà Nguyễn Thị Ph đã nhận lại chiếc xe đạp, bị cáo đã trả lại cho bà An Thị B số tiền 105.000 đồng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, cần xem xét để giảm nhẹ cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

Từ những phân tích, đánh giá về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo, về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy bị cáo Đ có nơi cư trú ổn định, cụ thể và rõ ràng, chưa có tiền án. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Sau khi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Căn cứ vào Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử thấy, không cần thiết phải cách ly ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo trở thành công dân chấp hành tốt pháp luật, đồng thời thể hiện tính nhân đạo của pháp luật Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Về hình phạt bổ sung: bị cáo Đ không có thu nhập, không có tài sản gì, sống phụ thuộc vào gia đình nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

[5] Đối với ông Nguyễn Trọng T là người đi cùng với Đ đi bán chiếc xe đạp, tuy nhiên ông T không biết chiếc xe Đ bán cho bà B là xe do Đ phạm tội mà có. Sau khi Đ bán chiếc xe đạp cho bà B xong, ông T mới biết chiếc xe Đ bán là do Đ trộm cắp mà có, ông T đã yêu cầu Đ đi chuộc lại xe trả lại cho người bị hại nên ông T không vi phạm pháp luật.

[6] Đối với bà An Thị B khi mua xe đạp của Đ bà B không biết và không được Đ nói cho biết chiếc xe đạp Đ bán là tài sản do phạm tội mà có nên bà B không vi phạm pháp luật.

[7] Về trách nhiệm dân sự: sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Đ đã tự nguyện chuộc lại chiếc xe đạp nộp cho cơ quan điều tra để trả lại cho bị hại bà Nguyễn Thị Ph, bị cáo đã trả lại cho bà An Thị B số tiền 105.000 đồng. Đến nay bà Nguyễn Thị Ph và bà An Thị B không yêu cầu gì về việc bồi thường thiệt hại đối với bị cáo Đ. Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn D là bố đẻ của bị cáo không yêu cầu bị cáo Đ phải trả cho ông số tiền 45.000 đồng đã cho bị cáo để trả lại cho bà An Thị B nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã xác định chiếc xe đạp nhãn hiệu Xuân Hòa, màu xám, lồng xe màu đen, thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị Ph. Ngày 13/7/2023, Cơ quan điều tra ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe đạp trên cho bà Ph quản lý, sử dụng.

[9] Về án phí: bị cáo Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[10] Về quyền kháng cáo: bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt là có căn cứ cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 173; điểm b i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 136; khoản 1, khoản 4 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 06 (sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về hình phạt bổ sung: Không phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ.

Giao bị cáo Nguyễn Văn Đ cho Ủy ban nhân dân thị trấn Nh, huyện T, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: bị cáo Nguyễn Văn Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- Sở tư pháp tỉnh B;
- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- Chi cụcTHADS huyện T;
- Bị cáo, bị hại, NCQLNVLQ;
- Lưu Hs, Vp.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Oanh